

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH HÀ

PHỤ LỤC 01:
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CỦA UBND XÃ THANH HÀ
(Kèm theo Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 27/7/2026 của UBND xã Thanh Hà)

STT	Số dự án	Danh mục dự án	Mã số dự án	Loại dự án* (lựa chọn các giá trị trong ô tính)	Kế hoạch vốn trong năm 2026		Kịch bản giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2026																				
					Tổng số	Trong đó: Vốn GPMB	Kết quả giải ngân lũy kế 6 tháng			Lũy kế 7 tháng			Lũy kế 8 tháng			Lũy kế 9 tháng			Lũy kế 10 tháng			Lũy kế 11 tháng			Lũy kế 12 tháng		
							Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37
		TỔNG SỐ			253,530.4	66,389.5	115,177.9	64,695.7	45.4%	140,650.9	79,068.7	55.5%	170,529.2	78,734.1	67.3%	191,791.9	67,361.1	75.6%	217,795.2	67,361.1	85.9%	233,734.6	67,361.1	92.2%	253,530.4	68,434.6	100%
I	Dự án thành phố giao nhiệm vụ chủ đầu tư				209,021.8	66,389.5	106,125.4	64,695.7	50.8%	119,225.4	66,695.7	57.0%	143,525.4	66,361.1	68.7%	160,825.4	67,361.1	2.0	183,409.2	67,361.1	87.7%	195,191.0	67,361.1	93.4%	209,021.8	68,434.6	100%
Dự án đã thi công hoàn thành: 03 dự án					1,172.8	-	761.6	-	1.6	761.6	-	64.9%	761.6	-	64.9%	761.6	-	64.9%	761.6	-	64.9%	761.6	-	64.9%	1,172.8	-	100%
1	1	Sửa chữa, tu bổ đê đoạn từ K0+000 - K1+650 đê hữu Gừa, xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà	8156336	Dự án đã hoàn thành	210.5	-	46.3	-	22.0%	46.3		22.0%	46.3		22.0%	46.3		22.0%	46.3		22.0%	46.3		22.0%	210.5		100%
2	1	Sửa chữa, tu bổ đê đoạn từ K0+000 - K1+632 đê tả Mía, huyện Thanh Hà	8156333	Dự án đã hoàn thành	723.2	-	586	-	81.0%	586.0	-	81.0%	586.0	-	81.0%	586.0		81.0%	586.0		81.0%	586.0		81.0%	723.2	-	100%
3	1	Sửa chữa, tu bổ đê đoạn từ K56+987 - K59+765 đê tả Thái Bình, huyện Thanh Hà (Đê cấp IV)	8156335	Dự án đã hoàn thành	239.2	-	129.3	-	54.1%	129.3	-	54.1%	129.3	-	54.1%	129.3		54.1%	129.3		54.1%	129.3		54.1%	239.2	-	100%
		Dự án đang thi công: 03 dự án			172,696.7	65,356.0	100,054.2	64,327.6	185%	112,654.2	66,327.6	65.2%	126,954.2	66,327.6	73.5%	143,254.2	66,327.6	83.0%	162,838.0	66,327.6	94.3%	171,619.8	66,327.6	99.4%	172,696.7	67,401.1	100%
4	1	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Cẩm Chế - Thanh Xuân đoạn từ Km0+00 đến Km9+016	8153271	Dự án đang thi công	122,332.4	62,356.0	77,048.60	62,401.1	63.0%	86,649	64,401	70.8%	96,949	64,401	79.3%	109,249	64,401	89.3%	122,332	64,401	100.0%	122,332	64,401	100.0%	122,332	64,401	100%
5	1	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 190D đoạn từ Km1+261,29 đến Km3+427 và Km5+033 đến Km6+303,24	8156334	Dự án đang thi công	44,559.5	3,000.0	18,277.70	1,926.5	41.0%	21,278	1,926	47.8%	25,278	1,926	56.7%	29,278	1,926	65.7%	35,778	1,926	80.3%	44,560	1,926	100.0%	44,560	3,000	100%
6	1	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thanh Hồng và Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà	8130923	Dự án đang thi công	5,804.7	-	4,727.90		81.4%	4,728		81.4%	4,728		81.4%	4,728		81.4%	4,728		81.4%	4,728		81.4%	5,805		100%
Dự án chưa khởi công: 03 dự án					35,152.3	1,033.5	5,309.6	368.1	274.6%	5,809.6	368.1	16.5%	15,809.6	33.5	45.0%	16,809.6	1,033.5	47.8%	19,809.6	1,033.5	56.4%	22,809.6	1,033.5	64.9%	35,152.3	1,033.5	100%
7	1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thủy sản, nông nghiệp xã Vĩnh Lập, Thanh Quang, huyện Thanh Hà	8141281	Dự án chưa khởi công	5,619.7		4,300.60	334.6	76.5%	4,300.6	334.6	76.5%	4,300.6		76.5%	4,300.6		76.5%	4,300.6		76.5%	4,300.6		76.5%	5,619.7		100%

STT	Số dự án	Danh mục dự án	Mã số dự án	Loại dự án* (lựa chọn các giá trị trong ô tính)	Kế hoạch vốn trong năm 2026		Kịch bản giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2026																				
					Tổng số	Trong đó: Vốn GPMB	Kết quả giải ngân lũy kế 6 tháng			Lũy kế 7 tháng			Lũy kế 8 tháng			Lũy kế 9 tháng			Lũy kế 10 tháng			Lũy kế 11 tháng			Lũy kế 12 tháng		
							Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37
		TỔNG SỐ			253,530.4	66,389.5	115,177.9	64,695.7	45.4%	140,650.9	79,068.7	55.5%	170,529.2	78,734.1	67.3%	191,791.9	67,361.1	75.6%	217,795.2	67,361.1	85.9%	233,734.6	67,361.1	92.2%	253,530.4	68,434.6	100%
8	1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất nông nghiệp (theo hướng sản xuất hữu cơ kết hợp phát triển du lịch) tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà	8138324	Dự án chưa khởi công	13,261.6	1,000.0	792.7		6.0%	792.7	-	6.0%	5,792.7		43.7%	6,792.7	1,000.0	51.2%	8,292.7	1,000.0	62.5%	9,792.7	1,000.0	73.8%	13,261.6	1,000.0	100%
9	1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất nông nghiệp (theo hướng sản xuất hữu cơ kết hợp phát triển du lịch) tại xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà	8138323	Dự án chưa khởi công	16,271.0	33.5	216.3	33.5	1.3%	716.3	33.5	4.4%	5,716.3	33.5	35.1%	5,716.3	33.5	35.1%	7,216.3	33.5	44.4%	8,716.3	33.5	53.6%	16,271.0	33.5	100%
II	Dự án của xã				44,508.5	-	9,052.5	-	20.3%	21,425.5	12,373.0	48.1%	27,003.8	12,373.0	60.7%	30,966.5	-	69.6%	34,386.0	-	77.3%	38,543.5	-	86.6%	44,508.5	-	100%
10	1	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn 5, thôn 6, thôn 8 (Đoạn từ nhà ông Hiền đến Đình Côi)	8182570	Dự án chưa khởi công	6,040.0		2,721.4		45.1%	2,721.4	-	45.1%	2,000.0	-	33.1%	2,500.0	-	41.4%	3,000.0	-	49.7%	4,000.0	-	66.2%	6,040.0		100%
11	1	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn 4 (Đoạn từ nhà bà Hoa đến nhà ông Tâm)	8182569	Dự án chưa khởi công	1,500.0		637.3		42.5%	637.3	-	42.5%	1,037.3	-	69.2%	1,500.0	-	100.0%	450.0	-	30.0%	1,000.0	-	66.7%	1,500.0		100%
12	1	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn 1 (Đoạn từ ngã tư đèn xanh đỏ đến công làng Đa Khê)	8182568	Dự án chưa khởi công	6,700.0		1,977.70		29.5%	1,977.7	-	29.5%	2,977.7	-	44.4%	4,977.7	-	74.3%	5,977.7	-	89.2%	6,700.0	-	100.0%	6,700.0		100%
13	1	Cải tạo, nâng cấp đường đoạn từ trường Trung học phổ thông Thanh Hà đến nhà ông Nghĩa (đường 390 cũ) và đoạn từ ngã tư huyện đội cũ đến đường 390 cũ	8182571	Dự án chưa khởi công	5,900.0				42.6%	2,514.8	-	42.6%	3,014.8	-	51.1%	4,014.8	-	68.0%	5,014.8	-	85.0%	5,900.0	-	100.0%	5,900.0	-	100%
14	1	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Lại Xá 1, xã Thanh Hà	8182565	Dự án chưa khởi công	9,609.5		601.0		6.3%	6,140.0	5,539.0	63.9%	8,640.0	5,539.0	89.9%	8,640.0	-	89.9%	9,609.5	-	100.0%	9,609.5	-	100.0%	9,609.5	-	100%
15	1	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Lại Xá 2, xã Thanh Hà	8182567	Dự án chưa khởi công	13,400.0		600.3		4.5%	7,434.3	6,834.0	55.5%	9,334.0	6,834.0	69.7%	9,334.0	-	69.7%	10,334.0	-	77.1%	11,334.0	-	84.6%	13,400.0	-	100%
16	1	Hạ tầng khu dân cư mới chợ Lại, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà. Hạng mục: Cấp điện và cấp nước			909																			909.0	-	100%	
17	1	Hạ tầng KDC mới chợ Lại, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà			450																			450.0	-	100%	